

I. Công cuộc Đổi mới là một cuộc cải cách toàn diện về kinh tế – xã hội

a) Bối cảnh

Ngày 30 – 4 – 1975, miền Nam được hoàn toàn giải phóng. Đất nước thống nhất, cả nước tập trung vào hàn gắn các vết thương chiến tranh và xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Nước ta đi lên từ một nền kinh tế nông nghiệp là chủ yếu, lại chịu hậu quả nặng nề do chiến tranh. Bối cảnh trong nước và quốc tế vào những năm cuối thập kỉ 70, đầu thập kỉ 80 của thế kỉ XX diễn biến hết sức phức tạp. Tất cả những điều này đã đưa nền kinh tế nước ta sau chiến tranh rơi vào tình trạng khủng hoảng kéo dài. Lạm phát có thời kì luôn ở mức 3 con số.

b) Diễn biến

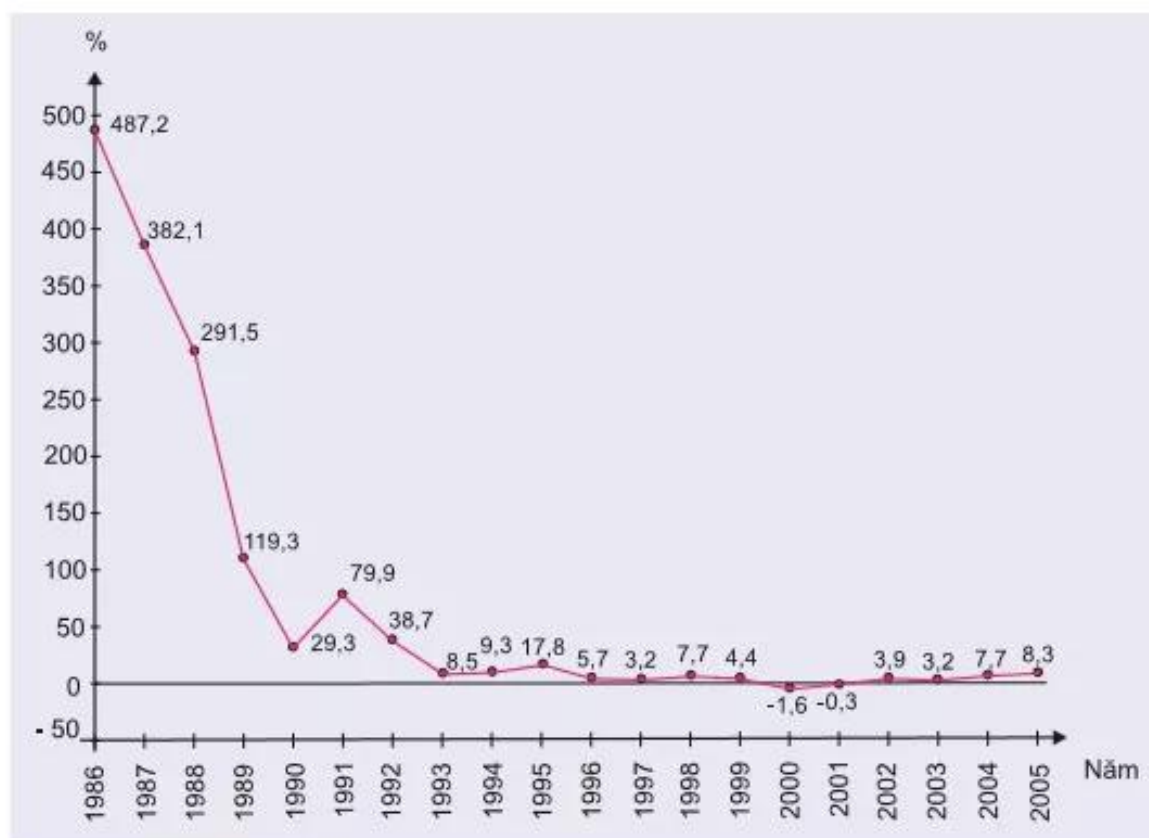
Công cuộc Đổi mới được manh nha từ năm 1979. Nhưng đổi mới đầu tiên là từ lĩnh vực nông nghiệp với "khoán 100" và "khoán 10", sau đó lan sang các lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ. Đường lối Đổi mới được khẳng định từ Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI (năm 1986), đưa nền kinh tế – xã hội của nước ta phát triển theo ba xu thế :

- Dân chủ hoá đời sống kinh tế – xã hội ;
- Phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa ;
- Tăng cường giao lưu và hợp tác với các nước trên thế giới.

c) Công cuộc Đổi mới đã đạt được những thành tựu to lớn

Tính đến năm 2006, công cuộc Đổi mới của nước ta đã qua chặng đường 20 năm.

- Nước ta đã thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế – xã hội kéo dài. Lạm phát được đẩy lùi và kiểm chế ở mức một con số.



Hình 1.1. Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng các năm 1986 – 2005 (%)

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao. Tốc độ tăng GDP từ 0,2% vào giai đoạn 1975 – 1980 đã tăng lên 6,0 % vào năm 1988 và 9,5% năm 1995. Mặc dù chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính khu vực cuối năm 1997, tốc độ tăng trưởng GDP vẫn đạt mức 4,8% (năm 1999) và đã tăng lên 8,4% vào năm 2005. Trong 10 nước ASEAN, tính trung bình giai đoạn 1987 – 2004, tốc độ tăng trưởng GDP của nước ta là 6,9%, chỉ đứng sau Xingapo (7,0%).
- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Cho tới đầu thập kỉ 90 của thế kỉ XX, trong cơ cấu GDP, nông nghiệp chiếm tỉ trọng cao nhất, công nghiệp và xây dựng chiếm tỉ trọng nhỏ. Từng bước tỉ trọng của khu vực nông – lâm – ngư nghiệp giảm, đến năm 2005 chỉ còn 21%. Tỉ trọng của công nghiệp và xây dựng tăng nhanh nhất, đến năm 2005 đạt 41%, vượt cả tỉ trọng của khu vực dịch vụ (38%).

- Cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ cũng chuyển biến rõ nét. Một mặt hình thành các vùng kinh tế trọng điểm, phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn, các trung tâm công nghiệp và dịch vụ lớn. Mặt khác, những vùng sâu, vùng xa, vùng núi và biên giới, hải đảo cũng được ưu tiên phát triển.
- Cùng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn trong xoá đói giảm nghèo, đời sống vật chất và tinh thần của đông đảo nhân dân được cải thiện rõ rệt.

Bảng 1. Tỷ lệ nghèo của cả nước qua các cuộc điều tra mức sống dân cư

(Đơn vị : %)

Tỷ lệ nghèo \ Năm	1993	1998	2002	2004
Tỷ lệ nghèo chung	58,1	37,4	28,9	19,5
Tỷ lệ nghèo lương thực	24,9	15,0	9,9	6,9

2. Nước ta trong hội nhập quốc tế và khu vực

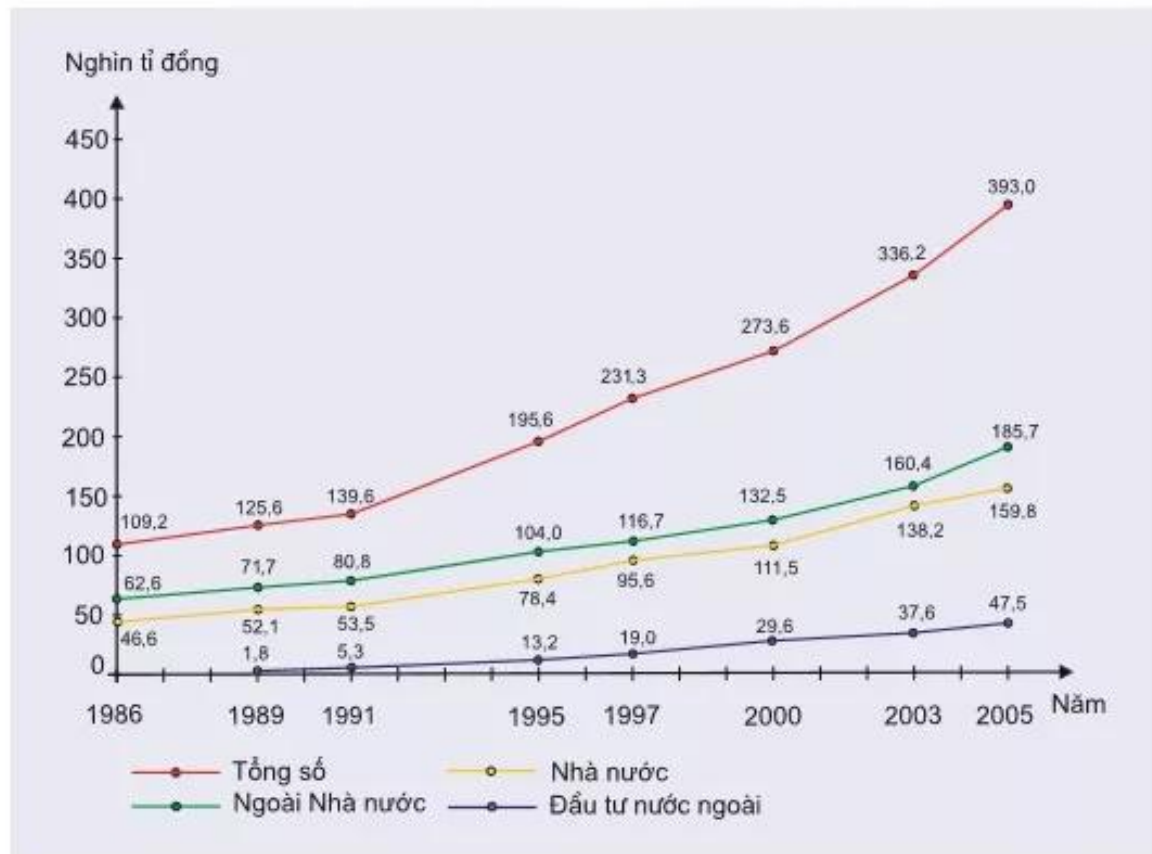
a) Bối cảnh

Toàn cầu hoá là một xu thế lớn, một mặt cho phép nước ta tranh thủ được các nguồn lực bên ngoài (đặc biệt là về vốn, công nghệ và thị trường), mặt khác đặt nền kinh tế nước ta vào thế bị cạnh tranh quyết liệt bởi các nền kinh tế phát triển hơn trong khu vực và trên thế giới.

Việt Nam và Hoa Kỳ bình thường hoá quan hệ từ đầu năm 1995 và nước ta là thành viên của ASEAN từ tháng 7 – 1995. ASEAN đã trở thành một liên kết kinh tế khu vực gồm 10 nước và là một nhân tố quan trọng thúc đẩy sự hợp tác ngày càng toàn diện giữa các nước trong khối, giữa các nước trong khối với các nước ngoài khu vực. Việt Nam đã đóng góp quan trọng vào sự củng cố khối ASEAN. Nước ta cũng trong lộ trình thực hiện các cam kết của AFTA (Khu vực mậu dịch tự do ASEAN), tham gia Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC), đẩy mạnh quan hệ song phương và đa phương. Sau 11 năm chuẩn bị và đàm phán, tháng 1 – 2007 Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

b) Công cuộc hội nhập quốc tế và khu vực đã đạt được những thành tựu to lớn

- Nước ta đã thu hút mạnh các nguồn vốn đầu tư nước ngoài : vốn Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), Đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI). Đầu tư gián tiếp của nước ngoài (FPI) cũng bắt đầu tăng lên cùng với việc mở rộng hoạt động của thị trường chứng khoán và cải thiện môi trường đầu tư. Các nguồn vốn này đã và đang có tác động tích cực đến việc đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, hiện đại hoá đất nước.



Hình 1.2. GDP theo giá so sánh 1994, phân theo thành phần kinh tế

- Hợp tác kinh tế – khoa học kĩ thuật, khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường, an ninh khu vực... được đẩy mạnh.
- Ngoại thương được phát triển ở tầm cao mới. Tổng trị giá xuất nhập khẩu đã tăng từ 3,0 tỉ USD (năm 1986) lên 69,2 tỉ USD (năm 2005), mức tăng trung bình cho cả giai đoạn 1986 – 2005 là 17,9%/năm. Việt Nam đã trở thành một nước xuất khẩu khá lớn về một số mặt hàng (dệt may, thiết bị điện tử, tàu biển, gạo, cà phê, điều, hồ tiêu, thủy sản các loại,...).

3. Một số định hướng chính để đẩy mạnh công cuộc **Đổi mới và hội nhập**

- Thực hiện chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo.
- Hoàn thiện và thực hiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển nền kinh tế tri thức.
- Đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế để tăng tiềm lực kinh tế quốc gia.
- Có các giải pháp hữu hiệu để bảo vệ tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững.
- Đẩy mạnh phát triển giáo dục, y tế, phát triển nền văn hoá mới, chống lại các tệ nạn xã hội, mặt trái của kinh tế thị trường.

Câu hỏi và bài tập

1. Bối cảnh quốc tế những năm cuối thế kỉ XX có ảnh hưởng như thế nào đến công cuộc **Đổi mới** ở nước ta ?
2. Hãy tìm các dẫn chứng về thành tựu của công cuộc **Đổi mới** ở nước ta.